

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói số 1: Thuốc trừ sâu
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc Bảo vệ thực vật sử dụng quý 1/2026 – Công ty TNHH MTV Bò Sữa TP. Hồ Chí Minh
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Bò Sữa TP. Hồ Chí Minh
- Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của đơn vị
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Địa điểm thực hiện: xã An Nhơn Tây, xã Nhuận Đức, TP, Hồ Chí Minh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường (qua mạng)
- Quy mô gói thầu: Cung cấp hàng hóa chi tiết nêu tại Phạm vi cung cấp Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn chi tiết trong phạm vi cung cấp Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống)

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Danh mục hàng hóa/ Tên hoạt chất	Dạng thuốc	Quy cách đóng gói tham chiếu	Liều lượng sử dụng	Khối lượng (kg/lít)
1	Emamectin benzoate 19g/lít	EC	≤ 5 lít/chai, can	20ml/20lít	110,00
2	Imidaclorid 10% w/w	WP	≤ 5lít-kg/gói hoặc can	20g/20lít	100,00
3	Permethrin 500g/l	EC	≤ 5 lít /chai, can	≤1ml/Lít	300,00
4	Chitosan 50g/l	SL	≤ 5 lít /chai, can	≤1ml/lít	474,00
5	Diafenthiuron 500g/l	SC/WP	≤ 5 lít /chai hoặc can hoặc ≤ 5 kg/gói	1.25ml/lít	270,00
6	Fenpyroximate 5%	SC	≤ 5 lít /chai, can	1ml/lít	60,00
7	Cypermethrin 250g/l	EC, EW	≤ 5 lít /chai, can	7ml/10 lít	150,00

Stt	Danh mục hàng hóa/ Tên hoạt chất	Dạng thuốc	Quy cách đóng gói tham chiếu	Liều lượng sử dụng	Khối lượng (kg/lít)
8	Acetamiprid 150g/kg +Buprofezin 350g/kg hoặc Acetamiprid 200g/kg hoặc Acetamiprid 250 g/kg + Buprofezin 250g/kg	WP/WG/SP	≤ 5 kg/gói	≤ 1g/lít	130,00
9	Clofentezine 5%+Pyridaben 10% hoặc Fenbutatin oxide 550g/l	WP/SC	≤ 5 lít /chai hoặc can hoặc ≤ 5 kg/gói	≤1g/lít	200,00
10	Abamectin 20g/l hoặc Fluopyram 400 g/L	SC/EC	≤ 5 lít /chai, can	5ml/lít	450,00
11	Emamectin benzoate 1g/kg hoặc Fosthiazate 10% w/w	GR	≤ 5 kg/gói	1g/lít	150,00
12	Cartap Hydrochloride 470g/kg + Imidacloride 30g/kg hoặc Cartap Hydrochloride 75% + Imidacloride 10%	WP	≤ 5 kg/gói	0.5g/lít	50,00

Ghi chú:

- 1/ Các quy định về thuốc BVTV và phân bón áp dụng theo quy định hiện hành.
- 2/ Các hoạt chất và phụ gia sử dụng trên cây chuối không chứa các chất sau: Thiamethoxam, Cyantraniliprole, Clothianidin.
- 3/ Liều lượng sử dụng theo khuyến cáo phải tương đương hoặc thấp hơn liều lượng công ty đang sử dụng.
- 4/ Tỷ lệ phòng trừ dịch hại (chết sâu, bệnh) ≥ 95%
- 5/ Mức sai lệch, giới hạn tạp chất độc hại áp dụng theo QCVN 01-188:2018/BNNPTNT.

*** Nhà thầu có bảng so sánh, tóm tắt thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu:**

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT	Thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu trong E-HSMT	Nhà thầu tự đánh giá
<i>[ghi số thứ tự]</i>	<i>[ghi tên]</i>	<i>[ghi thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT]</i>	<i>[ghi thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu]</i>	<i>[ghi đáp ứng hoặc tương đương...]</i>

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa dự thầu mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2025 trở về sau.
- Cam kết thu hồi hàng hóa và đổi hàng hóa mới 100% trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.
- Cung ứng hàng đến tận kho của bên mua không quá 48 giờ từ thời điểm giao nhận hàng được nêu trong đơn đặt hàng.
- Sẵn sàng thay thế hàng hóa khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật.
- Bao bì kín, không rách, không thủng, nguyên đai kiện.
- Chất lượng hàng hóa: Bên B đảm bảo hàng hóa cung cấp cho Bên A phải đạt đúng theo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Đối với hàng hóa nhập khẩu phải có đầy đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (COA/CQ). Hàng hóa bên B giao cho bên A đúng chủng loại, quy cách, số lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của bên A. Hàng hóa phải đóng bao PE (Polyethylene) chống ẩm, ngoài bao PP (Polypropylene) và không vón cục, không chảy nước.
- Ghi nhãn: ghi đầy đủ tên sản phẩm, thành phần, nơi sản xuất, khối lượng tịnh, hạn sử dụng.
- Vận chuyển: phương tiện vận chuyển chuyên dùng, không làm hư hỏng sản phẩm.

- Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hoá như sau: Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hoá trong thời hạn bảo hành: thời hạn nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư là 48 giờ, chi phí khắc phục các hư hỏng, khuyết tật là nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục.

Mục 2. Bản vẽ: không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nếu bên mời thầu có yêu cầu, Nhà thầu tham gia dự thầu phải cung cấp hàng mẫu để Bên mời thầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa có đảm bảo yêu cầu và đặc tính kỹ thuật, phù hợp với yêu cầu của gói thầu để tiến hành thương thảo hợp đồng, hoặc trong quá trình giao hàng chủ đầu tư có thể yêu cầu test ngẫu nhiên. Mọi chi phí kiểm tra thử nghiệm hàng mẫu do nhà thầu chịu.